

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày 23-9-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN D

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bò Quốc Khánh;
2. Ông Đoàn Văn Lược.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1987; nơi đăng ký thường trú: Ấp L, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị D, sinh năm 1991; nơi đăng ký thường trú: Tổ M, Ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 6 năm 2020, Bản tự khai ngày 23 tháng 7 năm 2020 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:*

Ông Huỳnh Văn T và bà Trần Thị D có thời gian tìm hiểu khoảng 03 năm thì về chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1 (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển số 01, ngày 11/12/2013. Sau kết hôn, hai vợ chồng

làm công nhân và thuê nhà trọ tại phường T2, thành phố T3, tỉnh Bình Dương để sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T không dành thời gian để chăm sóc cho vợ con khiến tình cảm của bà D dành cho ông T không còn được như trước dẫn đến vợ chồng thường cãi vã, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Khoảng cuối năm 2018 bà D cùng các con đã chuyển về ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương sinh sống. Ông Huỳnh Văn T xác định không còn tình cảm với bà Trần Thị D, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Trần Thị D.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là cháu Huỳnh Thị Thiên K, sinh ngày 22/12/2014 và cháu Huỳnh Kiều Thiên H, sinh ngày 18/5/2017. Sau khi ly hôn, ông Huỳnh Văn T yêu cầu giao hai con chung cho bà Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Ông T đề nghị được cấp dưỡng cho hai cháu mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Trần Thị D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bị đơn bà Trần Thị D có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T nhưng bị đơn không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 18/8/2020 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân, ông Huỳnh Văn T và bà Trần Thị D có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân do không có chung quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau khiến tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Ông Huỳnh Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị D, bà D cư trú tại ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Trần Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt hai lần không có lý do nên căn cứ theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn T và bà Trần Thị D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1 (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương vào ngày 11/12/2013 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển số 01 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông Huỳnh Văn T xác định quá trình chung sống với bà Trần Thị D không hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông T không dành thời gian để chăm sóc cho vợ con khiến tình cảm của bà D dành cho ông T không còn được như trước. Bà D không đến Tòa án làm việc, không tham gia vào các buổi hòa giải tại Tòa án, chứng tỏ bà D không muốn hàn gắn tình cảm gia đình, hòa giải mâu thuẫn vợ chồng để đoàn tụ. Qua đó thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng của ông T và bà D đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông Huỳnh Văn T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà D có 02 con chung là cháu Huỳnh Thị Thiên K, sinh ngày 22/12/2014 và cháu Huỳnh Kiều Thiên H, sinh ngày 18/5/2017. Hai cháu còn nhỏ, đang sống cùng bà D. Hơn nữa, ông T yêu cầu giao hai cháu cho mẹ chăm sóc nên việc giao hai cháu cho bà D nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng ông D, đảm bảo cho hai cháu có điều kiện phát triển tốt, lành mạnh cả về thể chất và tinh thần.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, ông Huỳnh Văn T có nguyện vọng được cấp dưỡng hai con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng/cháu cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự: ông Huỳnh Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn T được ly hôn với bà Trần Thị D (Giấy chứng nhận kết hôn số 53 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1 (Nay là huyện B), tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 11/12/2013).

2. Về con chung: Giao hai cháu Huỳnh Thị Thiên K, sinh ngày 22/12/2014 và cháu Huỳnh Kiều Thiên H, sinh ngày 18/5/2017 cho bà Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng/cháu. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, ông Huỳnh Văn T và bà Trần Thị D có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở thực hiện quyền này. Trường hợp ông Huỳnh Văn T lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc bà Trần Thị D nuôi con thì bà D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Huỳnh Văn T và bà Trần Thị D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí về ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0031049 ngày 03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Ông Huỳnh Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên,
tỉnh Bình Dương (01);
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên,
tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Sơn